



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY CP VẬN TÀI
THỦY BỘ KIẾN GIANG

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Vào tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**CÔNG TY CP VẬN TẢI
THỦY BỘ KIÊN GIANG**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015**

MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 3
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
03. Bảng cân đối kế toán	6 - 9
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	10
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 25

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị công ty hân hạnh đề trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Trần Minh Khoa	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Chấn Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT
- Bà Huỳnh Thanh Nguyên	Thành viên
- Ông Nguyễn Quốc Đạt	Thành viên
- Ông Trần Đình Thìn	Thành viên

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Đinh Hoài Thanh	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Đinh Long Vũ	Thành viên
- Bà Hà Trường Ngọc Thủy	Thành viên

3. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Vũ Bảo Trường	Giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/09/2015
- Ông Nguyễn Chấn Hưng	Giám đốc, bổ nhiệm ngày 01/09/2015
- Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Giám đốc, bổ nhiệm ngày 01/09/2015

4. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hành khách bằng xe taxi;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách ven biển;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp liên quan đến vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán ô tô và xe có động cơ khác;
- Buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Mua bán sắt thép phế liệu, phà, ô tô cũ, tàu thuyền cũ, làm phế liệu, phế liệu kim loại màu;
- Mua bán phụ tùng cũ: tháo dỡ xe cũ, bán các phụ tùng, máy móc, xe cũ có động cơ;

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự;
- Dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa tàu, thuyền, xà lan, ca nô;
- Buôn bán sắm lốp có động cơ;
- Buôn bán máy nông ngư cơ;
- Cho thuê kios kinh doanh mục đích khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này chủ yếu: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh và vận tải hành khách bằng xe buýt.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 25.

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giới trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Trần Minh Khoa

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kiên Giang, ngày 15 tháng 04 năm 2016



Số: 66 /2016/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty CP Vận tải thủy bộ Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Vận tải thủy bộ Kiên Giang ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 04 năm 2016, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Vận tải thủy bộ Kiên Giang tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 15 tháng 04 năm 2016

Đặng Thị Thiên Nga
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1



Trần Minh Trung

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.682.912.937	15.844.474.865
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.934.395.711	5.131.082.836
1. Tiền	111		834.395.711	631.082.836
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.100.000.000	4.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	8.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	8.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	804.742.972	465.567.606
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		194.854.866	92.355.866
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		564.884.424	328.180.403
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		45.003.682	45.031.337
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	943.774.254	1.102.706.867
1. Hàng tồn kho	141		943.774.254	1.102.706.867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	645.117.556
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	644.274.727
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	842.829
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.610.654.493	14.567.924.586
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.911.594.735	10.558.608.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	8.911.594.735	10.558.608.123
<i>Nguyên giá</i>	222		33.377.951.053	34.820.155.357
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24.466.356.318)	(24.261.547.234)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.5	8.685.984.006	3.976.627.071
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.685.984.006	3.976.627.071
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.075.752	32.689.392
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	13.075.752	32.689.392
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.293.567.430	30.412.399.451

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		14.852.253.559	17.527.586.942
I. Nợ ngắn hạn	310		14.852.253.559	17.527.586.942
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	206.378.124	314.144.708
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	248.968.224	192.209.224
4. Phải trả người lao động	314		720.916.333	941.285.939
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	44.550.000	407.800.300
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.10	176.780.365	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	13.505.388.813	15.721.310.469
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(50.728.300)	(49.163.698)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

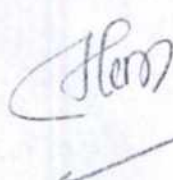
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	13.441.313.871	12.884.812.509
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12 13.441.313.871	12.884.812.509
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	12.874.720.000	12.874.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	12.874.720.000	12.874.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	121.470.855	121.470.855
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	445.123.016	(111.378.346)
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a	(111.378.346)	(1.052.156.792)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	556.501.362	940.778.446
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	28.293.567.430	30.412.399.451


Đàm Văn Luyệt
 Người lập biểu


Phan Thị Huỳnh Nhung
 Kế toán trưởng


Nguyễn Chấn Hưng
 Giám đốc
 Lập ngày 15 tháng 04 năm 2016



CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	11.415.336.221	13.561.317.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		11.415.336.221	13.561.317.775
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.910.322.840	9.056.067.528
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		4.505.013.381	4.505.250.247
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	941.838.800	329.071.300
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.666.666	155.175.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.666.666	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.660.000	15.227.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.916.837.918	4.185.227.383
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		511.687.597	478.691.664
11. Thu nhập khác	31	VI.7	202.145.561	1.002.617.530
12. Chi phí khác	32	VI.8	10.747.696	446.999.172
13. Lợi nhuận khác	40		191.397.865	555.618.358
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		703.085.462	1.034.310.022
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	80.484.100	30.737.576
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		622.601.362	1.003.572.446


Đàm Văn Luyet
Người lập biểu


Phan Thị Huỳnh Nhung
Kế toán trưởng


Nguyễn Chấn Hưng
Giám đốc
Lập ngày 15 tháng 04 năm 2016



CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		11.310.717.929	13.983.213.356
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.995.953.506)	(5.586.605.756)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.664.724.070)	(5.433.075.900)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.521.186.140	16.361.417.558
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.765.442.725)	(5.484.166.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(594.216.232)	13.840.783.172
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.075.733.935)	(3.988.469.011)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		149.090.908	425.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		824.172.134	329.071.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.397.529.107	(11.733.488.620)

CÔNG TY CP VẬN TÀI THỦY BỘ KIÊN GIANG

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.000.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.803.312.875	2.107.294.552
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.131.082.836	3.023.788.284
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.934.395.711	5.131.082.836


Đàm Văn Luyệt
 Người lập biểu


Phan Thị Huỳnh Nhung
 Kế toán trưởng


Nguyễn Chấn Hưng
 Giám đốc

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty CP Vận tải thủy bộ Kiên Giang được thành lập do chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vận tải thủy bộ Kiên Giang, thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700106035 ngày 28/04/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/09/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 21.146.000.000 đồng.

Cổ đông	Số CP	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
- Công ty Thương mại Kiên Giang	1.000.643	10.006.430.000	47,3%
- Cổ đông khác	1.113.957	11.139.570.000	52,7%
Cộng	2.114.600	21.146.000.000	100,0%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 là: 12.874.720.000.

Cổ đông	Số CP	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty Thương mại Kiên Giang	1.102.821	11.028.210.000	52,2%
- Cổ đông khác	184.651	1.846.510.000	8,7%
Cộng	1.287.472	12.874.720.000	60,9%

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh dịch vụ vận tải

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hành khách bằng xe taxi;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách ven biển;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp liên quan đến vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán ô tô và xe có động cơ khác;
- Buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Mua bán sắt thép phế liệu, phà, ô tô cũ, tàu thuyền cũ làm phế liệu, phế liệu kim loại màu;
- Mua bán phụ tùng cũ: tháo dỡ xe cũ, bán các phụ tùng, máy móc, xe cũ có động cơ;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự;
- Dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

- Sửa chữa tàu, thuyền, xà lan, ca nô;
- Buôn bán sắm lắp có động cơ;
- Buôn bán máy nông ngư cơ;
- Cho thuê kios kinh doanh mục đích khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này chủ yếu: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh và vận tải hành khách bằng xe buýt.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết: không có.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại điểm 4, mục VIII của bản Thuyết minh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Thực tế đích danh

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 25 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	8 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 15% trong vòng 12 năm kể từ năm 2006. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm (từ năm 2006 đến năm 2008), kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2015) do được ưu đãi về ngành nghề và địa bàn kinh doanh sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần. Năm 2015 là năm thứ 7 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển ... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và số chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

17. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	149.862.052	364.089.917
Tiền gửi ngân hàng	684.533.659 (a)	266.992.919
Các khoản tương đương tiền	8.100.000.000 (b)	4.500.000.000
Cộng	<u>8.934.395.711</u>	<u>5.131.082.836</u>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vietinbank, chi nhánh Kiên Giang	682.710.788	265.075.379
- BIDV, chi nhánh Kiên Giang	1.822.871	1.917.540
Cộng	<u>684.533.659</u>	<u>266.992.919</u>

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi VND có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại	8.100.000.000	4.500.000.000
Cộng	<u>8.100.000.000</u>	<u>4.500.000.000</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	194.854.866 (c)	92.355.866
Phải thu ngắn hạn khác	564.884.424 (d)	328.180.403
Tài sản thiếu chờ xử lý	45.003.682 (e)	45.031.337
Cộng	<u>804.742.972</u>	<u>465.567.606</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng nợ xe khách	24.872.000	15.780.000
- Khách hàng nợ xe buýt	89.839.000	26.440.000
- Các khách hàng khác	80.143.866	50.135.866
Cộng	194.854.866	92.355.866

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	401.175.674	254.439.500
- Các khoản ký quỹ, ký cược	19.500.000	19.500.000
- Phải thu chi phí nhận xe từ Hà Nội về KG	45.003.682	42.516.818
- Phải thu khác	99.205.068	11.724.085
Cộng	564.884.424	328.180.403

(e) Chi tiết số dư tài sản thiếu chờ giải quyết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vật tư bị mất trộm	45.003.682	45.031.337
Cộng	45.003.682	45.031.337

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	943.460.524 (f)	1.102.393.137
Công cụ, dụng cụ	313.730	313.730
Cộng	943.774.254	1.102.706.867

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất:

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0.
- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phụ tùng thay thế	655.492.009	768.950.217
- Vật liệu	25.785.355	32.622.094
- Nhiên liệu	132.056.163	72.747.290
- Săm lốp dự trữ	130.126.997	228.073.536
Cộng	943.460.524	1.102.393.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	34.820.155.357	-	1.442.204.304	33.377.951.053
- Nhà cửa, vật kiến trúc	127.128.390	-	-	127.128.390
- PT vận tải, TB truyền dẫn	34.066.568.631	-	1.442.204.304	32.624.364.327
- Thiết bị quản lý	626.458.336	-	-	626.458.336
Hao mòn lũy kế	24.261.547.234	1.647.013.388	1.442.204.304	24.466.356.318
- Nhà cửa, vật kiến trúc	61.290.890	-	-	61.290.890
- PT vận tải, TB truyền dẫn	23.587.182.179	1.633.629.217	1.442.204.304	23.778.607.092
- Thiết bị quản lý	613.074.165	13.384.171	-	626.458.336
Giá trị còn lại	10.558.608.123			8.911.594.735
- Nhà cửa, vật kiến trúc	65.837.500			65.837.500
- PT vận tải, TB truyền dẫn	10.479.386.452			8.845.757.235
- Thiết bị quản lý	13.384.171			-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 17.751.463.979
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Thanh lý, nhượng bán	1.442.204.304
Cộng	1.442.204.304

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	1.647.013.388
Cộng	1.647.013.388

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Thanh lý, nhượng bán	1.442.204.304
Cộng	1.442.204.304

5. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua sắm TSCĐ	45.000.000	22.500.000
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.640.984.006	3.954.127.071
Cộng	8.685.984.006	3.976.627.071

6. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	13.075.752 (g)	32.689.392
Cộng	13.075.752	32.689.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

(g) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí công cụ dụng cụ	13.075.752	32.689.392
Cộng	13.075.752	32.689.392
7. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả chi phí vật tư	37.813.320	747.912
- Phải trả chi phí sắm lắp	113.745.484	9.215.476
- Phải trả phí bảo hiểm	638.000	250.000.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	54.181.320	54.181.320
Cộng	206.378.124	314.144.708
8. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT phải nộp	163.250.068	186.152.339
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	79.641.271	-
- Thuế thu nhập cá nhân	6.076.885	6.056.885
Cộng	248.968.224	192.209.224
9. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn xe	-	344.000.300
- Chi phí phải trả khác	44.550.000	63.800.000
Cộng	44.550.000	407.800.300
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cho thuê tài sản	176.780.365	-
Cộng	176.780.365	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	5.180.729	33.237.849
- BHXH, BHYT, BHTN	4.309.743	-
- Phải trả về cổ phần hóa	139.345.000	139.345.000
- Cổ tức phải trả	819.203.180	2.319.203.180
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	859.960.000	1.346.460.000
- Tiền Nhà nước bồi hoàn xây dựng trụ sở mới	11.602.566.427	11.807.606.427
- Phải trả khác	74.823.734	75.458.013
Cộng	13.505.388.813	15.721.310.469

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	12.874.720.000	-	121.470.855	(1.052.156.792)
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.003.572.446
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	(36.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(26.794.000)
Số dư đầu năm nay	12.874.720.000	-	121.470.855	(111.378.346)
Lãi trong năm nay	-	-	-	622.601.362
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	(36.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(30.100.000)
Số dư cuối năm nay	12.874.720.000	-	121.470.855	445.123.016

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Thương mại Kiên Giang	11.028.210.000	11.028.210.000
- Cổ đông khác	1.846.510.000	1.846.510.000
Cộng	12.874.720.000	12.874.720.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 0

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn đầu năm	12.874.720.000	12.874.720.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn cuối năm	12.874.720.000	12.874.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.114.600	2.114.600
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	2.114.600	2.114.600
+ Cổ phiếu phổ thông	2.114.600	2.114.600
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.114.600	2.114.600
+ Cổ phiếu phổ thông	2.114.600	2.114.600
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.415.336.221	13.561.317.775
Cộng	11.415.336.221	13.561.317.775

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.910.322.840	9.056.067.528
Cộng	6.910.322.840	9.056.067.528

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	941.838.800	329.071.300
Cộng	941.838.800	329.071.300

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	9.666.666	-
- Chi phí tài chính khác	-	155.175.000
Cộng	9.666.666	155.175.000

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí bằng tiền khác	8.660.000	15.227.500
Cộng	8.660.000	15.227.500

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	2.849.080.015	2.658.304.304
- Chi phí vật liệu quản lý	33.821.500	37.398.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	18.539.727	67.837.885
- Chi phí khấu hao TSCĐ	13.384.172	33.871.720
- Thuế, phí và lệ phí	893.915.152	664.427.572
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.498.573	579.529.002
- Chi phí bằng tiền khác	460.598.779	143.858.900
Cộng	4.916.837.918	4.185.227.383

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	149.090.908	425.909.091
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	9.038.290	-
- Tiền hỗ trợ di dời trụ sở công ty	-	485.385.254
- Các khoản thu khác	44.016.363	91.323.185
Cộng	202.145.561	1.002.617.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	12.425.000
- Chi thuê, sửa chữa xưởng mới	-	296.989.472
- Chi phí khác	10.747.696	137.584.700
Cộng	10.747.696	446.999.172

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	80.484.100	30.737.576
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	80.484.100	30.737.576

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1) (111.378.346)

Lợi nhuận trước thuế năm nay (2) 703.085.462

Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4) -

Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4) 703.085.462

- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 22% 191.397.865

Thuế TNDN 80.484.100

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6) 80.484.100

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại -

Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6) 511.223.016

- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 36.000.000

- Chi khác 30.100.000

Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 445.123.016

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế	622.601.362	1.003.572.446
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(36.000.000)	-
- Chi khác	(30.100.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông	556.501.362	1.003.572.446
- Số CP phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	1.287.472	988.096
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	432	1.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.

3. Thông tin về các bên liên quan: không có.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Số đầu năm một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, chi tiết như sau:

	Mã số	Số cuối năm trước đã trình bày (31/12/2014)	Số đầu năm nay trình bày lại (01/01/2015)
<u>Bảng cân đối kế toán</u>			
Các khoản phải thu khác	136	54.240.903	328.180.403
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	45.031.337
Tài sản ngắn hạn khác	155	318.970.837	

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Đàm Văn Luyệt
Người lập

Phan Thị Huỳnh Nhung
Kế toán trưởng

Nguyễn Chấn Hưng
Giám đốc
Kiên Giang, ngày 15 tháng 04 năm 2016

